

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21.8.2025

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HƯNG YÊN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Hồng Thái và bà Vũ Thị Liên.

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Phạm Thị Thơ-Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hưng Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hưng Yên tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 08 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hưng Yên, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 39/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 04 năm 2025 về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/07/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992.

- Bị đơn: anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1991.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Vũ Đức L, sinh ngày 08/10/2012;

+ Cháu Vũ Khánh Nam, sinh ngày 18/8/2014;

+ Cháu Vũ Cát T, sinh ngày 02/6/2022.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu L, cháu N và cháu T: chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn Đ (là bố, mẹ đẻ).

Đều cư trú tại: thôn B, xã P, huyện K (nay là thôn B, xã Đ), tỉnh Hưng Yên (Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai của chị Nguyễn Thị H thể hiện: Chị và anh Vũ Văn Đ là hai người khác địa phương, kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thọ Vinh ngày 02/5/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị nghe bên ngoài mọi người nói anh Đ có quan hệ nam nữ với người phụ nữ khác, chị nói chuyện với anh Đ, anh cho rằng chị ghen tuông, từ đó vợ chồng thường xuyên

xảy ra cãi nhau. Anh Đ dọn ra ngoài một thời gian, sau đó vợ chồng lại về chung sống với nhau nhưng tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và không chia sẻ được những vấn đề trong gia đình, việc ai người đó làm, nên cả chị và anh Đ đều chán nản. C và anh Đ đã ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay, không có trách nhiệm gì với nhau, kinh tế vợ chồng độc lập. Nay chị H xác định chị và anh Đ không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, chị xin được ly hôn anh Đ.

Về con chung: chị H xác định, chị và anh Đ có 03 con chung là Vũ Đức L, sinh ngày 08/10/2012; Vũ Khánh N, sinh ngày 18/8/2014 và Vũ Cát T, sinh ngày 02/6/2022. Hiện nay cả 03 cháu đang ở với chị H. Nếu ly hôn chị xin nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị H không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Vũ Văn Đ đã được Toà án giao cho bố mẹ anh Đ là ông Vũ Văn Q, bà Phạm Thị L và niêm yết các văn bản của Toà án theo quy định của pháp luật như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập đến Toà án làm việc; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà và các văn bản tố tụng khác, nhưng anh Đ không đến Toà án làm việc và không tham gia phiên họp theo yêu cầu của Toà án.

* Người làm chứng là bà Phạm Thị L và ông Vũ Văn Q trình bày về điều kiện, hoàn cảnh, thời gian kết hôn giữa chị H và anh Đ như chị H trình bày. Ông Q và bà L xác định vợ chồng chị H, anh Đ chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh Đ không chịu làm ăn, từ năm 2024 anh Đ không chung sống cùng chị H nữa, vợ chồng ly thân, anh đi làm ăn thảnh thơi chủ động liên hệ với gia đình qua điện thoại, số điện thoại mỗi lần một khác nên gia đình không nhớ cụ thể. Việc chị H xin ly hôn anh Đ và Toà án thụ lý giải quyết vụ án, ông bà cũng đã thông báo cho anh Đ biết, anh Đ không có quan điểm gì. Chị H, anh Đ có 03 con chung như chị Hương trình bày trên, các cháu đang ở với chị H. Về tài sản của chị H, anh Đ, ông bà không biết, chị H và anh Đ không có công sức gì đóng góp với gia đình của ông bà. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh Đ, ông bà đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của chị H.

* Chính quyền địa phương cung cấp: chị H và anh Đ đăng ký kết hôn ngày 02/05/2012 tại UBND xã Thọ Vinh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Chị H và anh Đ chung sống với nhau có 03 con chung như chị H trình bày trên. Vài năm gần đây chị H và anh Đ phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do đâu thì địa phương không rõ. Chị H mang con về nhà bố mẹ đẻ ở, còn anh Đ không có mặt tại địa phương, anh Đ đi làm ăn ở đâu địa phương không biết. Chị H yêu cầu Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh Đ và giải quyết về con chung khi ly hôn, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên toà, chị có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Vũ Văn Đ. Về con chung: chị giữ nguyên quan điểm xin được tiếp tục nuôi con chung

đến khi các cháu thành niên, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Vũ Văn Đ. Về con chung: Giao cho chị H được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Vũ Đức L, sinh ngày 08/10/2012; Vũ Khánh N, sinh ngày 18/8/2014 và Vũ Cát T, sinh ngày 02/6/2022 đến khi các cháu thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, công sức, công nợ: không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Vũ Văn Đ, có nơi cư trú tại thôn B, xã P, huyện K (nay là thôn Bắc N, xã Đ), tỉnh Hưng Yên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hưng Yên, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị H vắng mặt, đã có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa; anh Vũ Văn Đ vắng mặt, Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật và giao cho bố mẹ anh Đ là bà L, ông Q các văn bản như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho anh Đ đúng theo quy định của pháp luật. Do vậy, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị H, anh Đ, theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thọ Vinh, huyện Kim Động (nay là xã Đức Hợp), tỉnh Hưng Yên, ngày 02/05/2012. Như vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Nay chị H xin ly hôn anh Đ, sẽ được áp dụng luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung.

Căn cứ lời khai của chị H và qua xác minh tại địa phương nơi chị H và anh Đ sinh sống có đủ cơ sở xác định, sau khi kết hôn chị H và anh Đ chung

sống với nhau đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng thiếu sự gắn bó, tin tưởng và chia sẻ với nhau trong đời sống hàng ngày, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nhất từ cuối năm 2022 và đã ly thân từ đó đến nay, mỗi người sinh sống một nơi, vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau, kinh tế vợ chồng độc lập. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên xin ly hôn anh Đ. Xét thấy, quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Đức đến làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định của pháp luật, tuy nhiên anh Đ không đến Tòa án làm việc và tham gia các phiên họp. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xử cho chị H được ly hôn của anh Đ là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị H và anh Đ có 03 con chung là Vũ Đức L, sinh ngày 08/10/2012; Vũ Khánh N, sinh ngày 18/8/2014 và Vũ Cát T, sinh ngày 02/6/2022. Hiện nay cả 03 cháu đang ở với chị H. Nếu ly hôn chị xin nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, hiện nay chị H là người đang trực tiếp nuôi 03 con, chị có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh Đ không có mặt tại địa phương. Để đảm bảo quyền lợi của con chung nên giao cho chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu L, N, T đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác và công sức: chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Khi nào anh Đ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thay đổi người nuôi con, chia tài sản. Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ việc khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Vũ Văn Đ.

2. Về con chung: giao cho chị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu Vũ Đức L, sinh ngày 08/10/2012; Vũ Khánh N, sinh ngày

18/8/2014 và Vũ Cát T, sinh ngày 02/6/2022 cho đến khi các cháu thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác và công sức: không đặt ra xem xét.

Khi nào anh Đ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thay đổi người nuôi con, chia tài sản. Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ việc khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001775 ngày 16/04/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. Chị H đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: chị H, anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, thời hạn tính từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKSND nhân dân khu vực 3- Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Đức Hợp;
- Tổ HC- TP TAND tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Oanh